

THỰC TRẠNG TẬP LUYỆN THỂ DỤC THỂ THAO THƯỜNG XUYỀN CỦA CÁC NHÓM ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH

Nguyễn Văn Anh⁽¹⁾; Đinh Quang Ngọc⁽²⁾
Đinh Khánh Thu⁽²⁾; Nguyễn Hải Bằng⁽¹⁾

Tóm tắt:

Nhóm nghiên cứu trên cơ sở điều tra, khảo sát mức độ tham gia tập luyện TDTT thường xuyên của 1063 người dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, đại diện cho các nhóm đối tượng khác nhau về giới tính, lứa tuổi, trình độ học vấn, mức độ thu nhập... từ đó tiến hành tổng hợp, phân tích và đánh giá thực trạng tham gia tập luyện TDTT thường xuyên của các nhóm đối tượng người dân, đồng thời tìm ra những xu hướng, mối liên hệ giữa các nhóm đối tượng người dân với mức độ tham gia tập luyện TDTT thường xuyên của họ. Kết quả cho thấy: Tỷ lệ người dân tỉnh Bắc Ninh tập luyện TDTT thường xuyên đạt 43,1%, cao hơn mục tiêu tỉnh Bắc Ninh đặt ra cho năm 2025 (37%) và vượt trung bình toàn quốc năm 2024 (37,5%); Giới tính và trình độ học vấn không phải là những yếu tố tạo ra sự khác biệt đáng kể về mức độ tập luyện TDTT thường xuyên giữa các nhóm đối tượng người dân, tuy nhiên, mức độ tham gia tập luyện TDTT thường xuyên của người dân có sự phân hóa theo nhóm lứa tuổi, nghề nghiệp và mức độ thu nhập. Đây sẽ là những căn cứ quan trọng để đưa ra các giải pháp phát triển phong trào TDTT quần chúng tỉnh Bắc Ninh, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Từ khóa: Thể dục thể thao quần chúng; phong trào thể dục thể thao; giải pháp; tập luyện thường xuyên; yếu tố ảnh hưởng; Bắc Ninh.

Current situation of regular physical exercise and sports practice among different population groups in Bac Ninh province

Nguyen Van Anh⁽¹⁾; Dinh Quang Ngoc⁽²⁾
Dinh Khanh Thu⁽²⁾; Nguyen Hai Bang⁽¹⁾

Summary:

Based on a survey of 1,063 residents living in Bac Ninh Province, this study investigated the frequency of regular participation in physical exercises and sports among various population groups, categorized by gender, age, educational level, and income. The data was synthesized, analyzed, and evaluated to assess the current state of sports-practicing engagement, while also identifying trends and correlations between demographic characteristics and participation rates. The findings revealed that 43.1% of the population regularly engages in physical and sports activities at a rate higher than both the target set by Bac Ninh Province for 2025 (37%) and the national average in 2024 (37.5%). While gender and education level were not significant differentiators in regular physical exercises and sports participation, notable variations were observed across age groups, occupations, and income levels. These insights provide a critical foundation for developing targeted strategies to advance the public sports movement in Bac Ninh Province, aligning with the demands of the current era.

Keywords: Physical exercise and sports; sports movement; solutions; regular practice; influencing factors; Bac Ninh.

Thông tin bài báo:

Ngày nhận bài: **24/03/2025**

Ngày phản biện: **19/04/2025**

Ngày đăng: **29/05/2025**

Tác giả liên hệ:

Đinh Quang Ngọc

Email: ngocbrtdtt@gmail.com

Article Information:

Received: **24/03/2025**

Review date: **19/04/2025**

Published: **29/05/2025**

Corresponding Author:

Đinh Quang Ngọc

Email: ngocbrtdtt@gmail.com

⁽¹⁾ThS, ⁽³⁾TS, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh

⁽²⁾PGS.TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh xã hội hiện đại, Thể dục thể thao quần chúng (TDTTQC) đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao sức khỏe cộng đồng, xây dựng lối sống lành mạnh và thúc đẩy phát triển bền vững. Chiến lược phát triển TDTT Việt Nam đến năm 2030 đặt ra mục tiêu tăng tỷ lệ người dân tập luyện thường xuyên lên 48%, trong đó các địa phương cần thực hiện tốt phong trào TDTTQC tại cơ sở [1]. Bắc Ninh – tỉnh có tốc độ công nghiệp hóa cao và mật độ dân cư lớn, với đa dạng thành phần, đối tượng người dân, đang đối mặt với nhiều thách thức trong việc tổ chức, duy trì và phát triển phong trào tập luyện TDTT quần chúng.

Theo Báo cáo Tổng kết ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2024, tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên của cả nước đạt 37,5%, trong khi đó Bắc Ninh đạt 43,1%, vượt chỉ tiêu đề ra cho năm 2025. Tuy nhiên, tỷ lệ này vẫn chưa đồng đều giữa các nhóm đối tượng người dân khác nhau (lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, thu nhập...). Chính vì vậy, cần thiết phải tiến hành khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động tập luyện TDTT thường xuyên của các nhóm đối tượng người dân trên địa bàn, làm cơ sở khoa học để xác định các giải pháp phù hợp, phát triển đồng bộ, bền vững phong trào TDTTQC của tỉnh Bắc Ninh.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp điều

tra xã hội học (Đối tượng điều tra gồm: 1063 người dân, trong đó có 524 nam chiếm tỉ lệ 49.29% và 539 nữ chiếm tỉ lệ 50.71%; có độ tuổi từ 15 trở lên; ở các ngành nghề khác nhau; Nội dung điều tra thông qua bảng hỏi có cấu trúc, gồm các câu hỏi về tần suất tập luyện TDTT trong 6 tháng gần nhất); Phương pháp toán học thống kê (Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 27.0).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thực trạng số người tập luyện Thể dục thể thao thường xuyên của người dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (n = 1063)

Để giải quyết vấn đề này, chúng tôi đã tiến hành đánh giá kết quả phỏng vấn với 1063 người dân với các thông tin cụ thể tại phần phương pháp nghiên cứu. Nội dung phỏng vấn tập trung vào mức độ tham gia tập luyện TDTT thường xuyên trong thời gian 6 tháng gần nhất (mỗi tuần 3 buổi, mỗi buổi 30 phút). Cụ thể theo 3 mức: 1. Không thường xuyên; 2. Thường xuyên và 3. Nhiều hơn quy định. Kết quả trình bày tại bảng 1.

Kết quả thu được ở bảng 1 cho thấy, số người tập luyện TDTT thường xuyên ở thời điểm điều tra (năm 2025) đạt 43.1% trong đó có 33.1% tập luyện thường xuyên và 10% tập nhiều hơn mức quy định. Kết quả này: Cao hơn so với mục tiêu xác định trong quy hoạch phát triển Thể dục thể thao tỉnh Bắc Ninh được ban hành theo Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 18/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt “Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển thể dục, thể thao tỉnh Bắc Ninh đến năm 2025, định

Bảng 1. Thực trạng số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên của người dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (n = 1063)

Mức độ tập luyện	m _i		Tỉ lệ%		Mục tiêu của Bắc Ninh		Toàn quốc
					Năm 2025 (%)	Năm 2030 (%)	năm 2024 (%) [4]
Không thường xuyên	605		56.9				
Thường xuyên	458	352	43.1	33.1	37	40	37.5
Nhiều hơn quy định		106		10.0			
Total	1063		100.0				

(Nguồn: Báo cáo Tổng cục TDTT, Cục Thể thao QC, Bộ VHTTDL)

Bảng 2. Thực trạng tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên của người dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh xét theo giới tính (n = 1063)

			Giới tính		Total
			Nữ	Nam	
Mức độ tập luyện	Không thường xuyên	m _i	312	293	605
		%	57.9%	55.9%	56.9%
	Thường xuyên	m _i	184	168	352
		%	34.1%	32.1%	33.1%
	Nhiều hơn quy định	m _i	43	63	106
		%	8.0%	12.0%	10.0%
Total		m _i	539	524	1063
		%	100.0%	100.0%	100.0%
Pearson Chi-Square		Value	df		sig
		4.887a	2		.087

hướng đến năm 2030” (đến năm 2025, tỉ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên là 37%, đến năm 2030 đạt trên 40%); cao hơn so với kết quả thống kê toàn quốc năm 2024 (37.5%); và vượt chỉ tiêu so với mục tiêu đề ra trong kế hoạch năm 2025 của Cục TDTT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Nguồn Báo cáo của Phòng TDTTQC, Cục TDTT, Bộ VHTTDL).

2. Thực trạng luyện Thể dục thể thao thường xuyên của các nhóm đối tượng người dân tỉnh Bắc Ninh

2.1. Thực trạng tập luyện Thể dục thể thao thường xuyên của người dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh xét theo giới tính

Kết quả khảo sát thu được trình bày ở bảng 2

Kết quả thu được ở bảng 2 cho thấy: Tỉ lệ tập luyện “không thường xuyên” của nữ (57.9%) cao hơn một chút so với của nam (55.9%); tỉ lệ tập luyện “nhiều hơn quy định” của nam (12.0%) cao hơn so với của nữ (8.0%). Tuy nhiên sự chênh lệch ở trên không đáng kể. Phân tích kết quả kiểm định Chi-Square ($p = 0.087$) cho thấy sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng 5%, chứng tỏ không có sự khác biệt về mức độ tập luyện TDTT thường xuyên hay không thường xuyên giữa hai nhóm giới tính.

2.2. Thực trạng tập luyện Thể dục thể thao thường xuyên của người dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh xét theo lứa tuổi

Sử dụng công cụ thống kê SPSS phân tích kết quả đánh giá thực trạng tập luyện Thể dục thể

thao thường xuyên của người dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh từ góc độ lứa tuổi nhóm nghiên cứu thu được kết quả như trình bày ở bảng 3.

Kết quả ở bảng 3 cho thấy: Có xu hướng tỉ lệ tập luyện thể thao thường xuyên giảm dần từ nhóm lứa tuổi cao tới nhóm lứa tuổi thấp. Hay nói cách khác, nhóm đối tượng trẻ có xu hướng ít tập luyện thể thao thường xuyên hơn.

Kết quả phân tích cũng cho thấy, có một mối liên hệ rất rõ ràng và mạnh mẽ giữa nhóm tuổi với mức độ tập luyện TDTT. Cụ thể, lứa tuổi càng cao, xu hướng tham gia tập luyện TDTT ở mức “Thường xuyên” và “Nhiều hơn quy định” càng cao và xu hướng “Không thường xuyên” giảm đi. Trong khi lứa tuổi càng trẻ, xu hướng tham gia luyện ở mức “không thường xuyên” nhiều hơn và xu hướng “thường xuyên” giảm đi. Cụ thể, kết quả thống kê cho thấy: Nhóm tuổi cao (>60 tuổi) là nhóm có tỷ lệ tham gia tập luyện TDTT “Thường xuyên” và “nhiều hơn quy định” cao nhất, sau đó tới nhóm trung niên (Từ 45-60) và thấp nhất ở nhóm tuổi trẻ nhất (15-22).

Kết quả so sánh giữa 2 nhóm tuổi trẻ (15-22 và 23-44) với 2 nhóm còn lại (45-60 và >60) cho thấy, nhóm tuổi trẻ có tỉ lệ tập luyện “thường xuyên” và “Nhiều hơn quy định” thấp hơn đáng kể so với 2 nhóm tuổi còn lại. Sự khác biệt đạt độ tin cậy thống kê ở ngưỡng $\text{Sig} < 1$.

2.3. Thực trạng tập luyện Thể dục thể thao thường xuyên của người dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh xét theo trình độ văn hóa

Bảng 3 Thực trạng tập luyện Thể dục thể thao thường xuyên của người dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh xét theo lứa tuổi (n = 1063)

			Tuổi đời				Total
			Từ 15 - 22	Từ 23 - 44	Từ 45 - 60	> 60	
Mức độ	Không thường xuyên	m _i	220	313	56	16	605
		%	71.2	61.4	38.4	16.3	56.9
	Thường xuyên	m _i	78	149	68	57	352
		%	25.2	29.2	46.6	58.2	33.1
	Nhiều hơn quy định	m _i	11	48	22	25	106
		%	3.6	9.4	15.1	25.5	10.0
Total		m _i	309	510	146	98	1063
		%	100	100	100	100	100
			Value	df	sig		
Pearson Chi-Square			125.171a	6	0		

Trình độ văn hóa được thống kê trên các nhóm: Trên đại học; Đại học/Cao đẳng/Trung cấp; THPT/THSC. Kết quả thu được trình bày tại bảng 4.

Kết quả nghiên cứu cho thấy không có mối quan hệ có ý nghĩa thống kê giữa trình độ học vấn và mức độ tham gia tập luyện TDTT ở các nhóm đối tượng với $\text{sig} = 0.096 > 0.05$. Có nghĩa là trình độ học vấn không phải là yếu tố dự báo đáng kể về mức độ tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên của các nhóm đối tượng người dân. Cụ thể: Tỷ lệ không thường xuyên tập luyện khá đồng đều giữa các nhóm trình độ học vấn, dao động quanh mức từ 53% - 58%. Trong đó, nhóm có trình độ ĐH/CĐ/TC có tỷ lệ tham gia “Nhiều hơn quy định” cao nhất (14.3%); Nhóm THPT/THCS là nhóm đông nhất nhưng tỷ lệ tham gia “Không thường xuyên” cao nhất (58.1%).

2.4. Thực trạng tập luyện Thể dục thể thao thường xuyên của người dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh xét theo nghề nghiệp

Để xác định được thực trạng này, nhóm nghiên cứu tiến hành phân tích trên 6 nhóm đối tượng gồm: Nghề tự do (1), Học sinh/Sinh viên (2), Nông dân/Nội trợ (3), Hưu trí (4), Công nhân (5) và Cán bộ/Viên chức (6). Kết quả trình bày ở bảng 5.

Nhận xét: Nhóm Học sinh/Sinh viên có tỷ lệ tham gia tập luyện TDTT “không thường xuyên” cao nhất (hơn 73%). Ngược lại, nhóm nghề Tự do và Hưu trí có tỷ lệ tham gia “không thường xuyên” thấp nhất (khoảng 39.6% và 40%). Nhóm nông dân, nội trợ và cán bộ viên chức có tỉ lệ tham gia tập luyện TDTT “không tập thường xuyên” ở mức trung bình (54.5% - 59.8%).

Nhóm Nghề tự do có tỷ lệ tham gia tập luyện TDTT ở mức “thường xuyên” cao nhất (hơn 44.4%), tiếp đến là nhóm Hưu trí (43.5%). Nhóm Học sinh/Sinh viên có tỷ lệ thấp nhất khoảng 24.6%.

Nhóm Hưu trí và Nghề tự do có tỷ lệ tham gia tập luyện “Nhiều hơn quy định” cao nhất (> 16%). Nhóm Học sinh/Sinh viên vẫn là nhóm có tỷ lệ thấp nhất ở mức độ này (chỉ 2.0%). Điều này cho thấy Học sinh/Sinh viên ít tham gia tập luyện TDTT thường xuyên hơn.

Những kết quả trên cho thấy, nghề nghiệp có ảnh hưởng đáng kể đến mức độ tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên. Cụ thể:

Học sinh/Sinh viên là nhóm có tỷ lệ tham gia tập luyện TDTT ở mức “không thường xuyên” cao nhất và tỉ lệ tập luyện “Nhiều hơn quy định” thấp nhất.

Bảng 5. Thực trạng tập luyện Thể dục thể thao thường xuyên của người dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh xét theo nghề nghiệp (n = 1063)

			Nghề nghiệp						Total
			Nghề tự do	Học sinh/Sinh viên	Nông dân/Nội trợ	Hưu trí	Công nhân	CB/VC	
Mức độ	Không thường xuyên	m _i	78	182	103	34	92	116	605
		%	39.6%	73.4	54.5	40.0	61.3	59.8	56.9
	Thường xuyên	m _i	87	61	62	37	46	59	352
		%	44.2%	24.6	32.8	43.5	30.7	30.4	33.1
	Nhiều hơn quy định	m _i	32	5	24	14	12	19	106
		%	16.2%	2.0	12.7	16.5	8.0	9.8	10.0
Total		m _i	197	248	189	85	150	194	1063
		%	100	100	100	100	100	100	100
		Value		df	sig				
Pearson Chi-Square		72.768a		10	0				

Nghề tự do và Hưu trí là hai nhóm có tỷ lệ tham gia tập luyện TDTT ở mức “thường xuyên” và “Nhiều hơn quy định” cao nhất.

Phát hiện này gợi ý rằng, các chiến lược và chương trình khuyến khích TDTT cần được thiết kế phù hợp với đặc thù của từng nhóm nghề nghiệp, đặc biệt chú trọng đến việc khuyến khích học sinh/sinh viên.

2.5. Thực trạng tập luyện Thể dục thể thao thường xuyên của người dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh xét theo thu nhập

Nhóm nghiên cứu tiến hành đánh giá trên các đối tượng có các mức thu nhập khác nhau gồm: <5 triệu; Từ 5-9 triệu; Từ 10-14 triệu; Từ 15-20 triệu và >20 triệu. Kết quả thu được trình bày ở bảng 6.

Bảng 6 Thực trạng tập luyện Thể dục thể thao thường xuyên của người dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh xét theo thu nhập (n = 1063)

			Thu nhập hàng tháng					Total
			<5 triệu	Từ 5-9 triệu	Tu10-14 triệu	Từ 15-20 triệu	>20 triệu	
Mức độ	Không thường xuyên	m _i	168	191	146	74	26	605
		%	70.6	60.3	53.7	46.3	34.2	56.9
	Thường xuyên	m _i	64	89	89	68	42	352
		%	26.9	28.1	32.7	42.5	55.3	33.1
	Nhiều hơn	m _i	6	37	37	18	8	106
		%	2.5	11.7	13.6	11.3	10.5	10.0
Total		m _i	238	317	272	160	76	1063
		%	100	100	100	100	100	100
			Value	df	sig			
Pearson Chi-Square			57.814a	8	0			



Người dân tỉnh Bắc Ninh tập luyện thể thao với đa dạng các đối tượng, đa dạng các loại hình, tỷ lệ người tập TDTT thường xuyên cao hơn tỷ lệ chung toàn quốc (năm 2024)

Kết quả ở bảng 6 cho thấy: Tỷ lệ tham gia “Không thường xuyên” có xu hướng giảm dần khi thu nhập tăng lên. Hay nói cách khác, có một mối quan hệ tỷ lệ thuận giữa mức độ thu nhập đối với mức độ tham gia tập luyện TDTT thường xuyên của các nhóm người dân. Người càng có thu nhập cao thì mức độ tham gia tập luyện thể thao thường xuyên càng cao và ngược lại. Theo đó, nhóm đối tượng ở lứa tuổi trẻ (nhất là độ tuổi học sinh, sinh viên) có thu nhập thấp hoặc kinh tế còn phụ thuộc cũng là đối tượng ít tập luyện thường xuyên nhất.

KẾT LUẬN

Kết quả đánh giá thực trạng cho thấy, tỷ lệ người dân tỉnh Bắc Ninh tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 43,1%, cao hơn so với chỉ tiêu của địa phương và cao hơn mức trung bình toàn quốc (năm 2024).

Giới tính và trình độ học vấn không phải là những yếu tố tạo ra sự khác biệt đáng kể về mức độ tập luyện TDTT thường xuyên giữa các nhóm đối tượng người dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Tuy nhiên, mức độ tham gia tập luyện TDTT thường xuyên của người dân có sự phân hóa theo nhóm lứa tuổi, nghề nghiệp và mức độ

thu nhập. Đây là những kết quả nghiên cứu quan trọng, làm căn cứ để xác định các nhóm giải pháp phát triển phong trào tập luyện TDTTQC tỉnh Bắc Ninh, phù hợp với thực tiễn và đặc thù của từng nhóm đối tượng người dân, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2019), "Điều 6 Thông tư 01/2019/TT-BVHTTDL quy định về đánh giá phong trào thể dục, thể thao quần chúng".
2. Tỉnh ủy Bắc Ninh (2020), "Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ XX nhiệm kỳ 2020 - 2025".
3. Tỉnh ủy Bắc Ninh (2022), "Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX về việc xây dựng và phát triển văn hóa con người Bắc Ninh đến năm 2030 đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững".
4. https://tdtt.gov.vn/the-thao-trong-nuoc/id/88629/hoi-nghi-tong-ket-nam-2024-trie-n-khai-nhiem-vu-2025-cua-nganh-vhhtdl?utm_source=chatgpt.com.

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO

3. Nguyễn Thị Thu Quyết

Nhiệm vụ và giải pháp phát triển thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

BÀI BÁO KHOA HỌC

7. Nguyễn Tuấn Đăng; Vũ Tiến Thành

Giải pháp phát triển phong trào tập luyện Cầu lông ngoại khóa nâng cao thể lực cho học sinh Trường Trung học cơ sở Trang Hạ, Từ Sơn, Bắc Ninh

15. Đỗ Xuân Đoàn, Lý Đức Trường

Thực trạng công tác phát triển thể lực cho học viên quân sự Lào tại Trường sĩ quan Lục quân 1

21. Trần Quân; Nguyễn Đức Toàn

Nghiên cứu thực trạng sức mạnh tốc độ đòn tay của nam vận động viên Muay lữa tuổi 14-15 tại Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể thao Công an nhân dân

25. Sun Thea, Đậu Thị Lợi; Đỗ Thùy Giang

Nghiên cứu lựa chọn bài tập thúc đẩy quá trình hồi phục tích cực sau tập luyện cho nam vận động viên Bóng đá U13, Trung tâm đào tạo Bóng đá Quốc gia Tonle Bati, Campuchia

31. Vũ Anh Tuấn; Nguyễn Anh Tú; Lê Hoài Nam

Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá sức mạnh tốc độ nhóm đòn đá trước cho nữ vận động viên Taekwondo lứa tuổi 12-14 tại Trung tâm Huấn luyện và thi đấu Thể dục thể thao Hà Nội

37. Nguyễn Danh Bắc; Nguyễn Xuân Thành

Thực trạng sử dụng các kỹ thuật đánh bóng của nam vận động viên Quần vợt lứa tuổi 14 -16

41. Nguyễn Thị Thu Quyết; Phạm Tuấn Dũng; Nguyễn Tất Dũng

Thực trạng sức khỏe tâm thần của sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh theo đặc điểm giới tính

45. Nguyễn Đức Doanh; Lê Cảnh Khôi

Định hướng nghiên cứu khoa học phục vụ hoạt động dạy học môn Tâm lý học Thể dục thể thao tại Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

49. Phùng Hoài Nam; Nguyễn Cẩm Ninh

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến công tác phát triển thể lực cho sinh viên Trường Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia

57. Phạm Hữu Thật

Ứng dụng và đánh giá hiệu quả các bài tập phát triển khả năng linh hoạt cho võ sinh Vovinam lứa tuổi Trung học cơ sở tại quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

63. Nguyễn Thanh Tùng; Nguyễn Trường Giang; Nguyễn Ngọc Sơn

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động thể thao ngoại khóa của sinh viên Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên

69. Huỳnh Thị Thủy Uyên; Nguyễn Thái Huy Vũ

Động cơ và đánh giá của người tham gia hoạt động du lịch thể thao biển tại Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

74. Nguyễn Văn Ảnh; Đinh Quang Ngọc; Đinh Khánh Thu; Nguyễn Hải Bằng

Thực trạng tập luyện thể dục thể thao thường xuyên của các nhóm đối tượng người dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

80. Ngô Hải Hưng

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới truyền thông thương hiệu Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh trên các kênh mạng xã hội

THEORY AND PRACTICE OF SPORTS

3. Nguyen Thi Thu Quyet

Tasks and solutions for developing high-performance sports and professional sports by 2030, with a vision to 2045

ARTICLES

7. Nguyen Tuan Dang; Vu Tien Thanh

Solution to develop extracurricular badminton training movement to improve physical fitness for students of Trang Ha Secondary School, Tu Son, Bac Ninh

15. Do Xuan Doan, Ly Duc Truong

Current status of physical development for Lao military students at Army Officer School 1

21. Tran Quan; Nguyen Duc Toan

Research on the current status of arm strength and speed of male Muay athletes aged 14-15 at the People's Public Security Sports Training and Competition Center

25. Sun Thea, Dau Thi Loi; Do Thuy Giang

Study on selecting exercises to promote active recovery after training for male U13 football athletes, Tonle Bati National Football Training Center, Cambodia

31. Vu Anh Tuan; Nguyen Anh Tu; Le Hoai Nam

Building standards for assessing the strength and speed of front kicks for female Taekwondo athletes aged 12-14 at the Hanoi Sports Training and Competition Center

37. Nguyen Danh Bac; Nguyen Xuan Thanh

Current status of using hitting techniques of male tennis players aged 14-16

41. Nguyen Thi Thu Quyet; Pham Tuan Dung; Nguyen Tat Dung

Mental health status of students at Bac Ninh Sport University according to gender characteristics

45. Nguyen Duc Doanh; Le Canh Khoi

Orientation of scientific research to serve teaching activities of Sports Psychology at Bac Ninh Sports University

49. Phung Hoai Nam; Nguyen Cam Ninh

Current status of factors affecting physical development of students at the University of Education - National University

57. Pham Huu That

Application and evaluation of the effectiveness of flexibility development exercises for Vovinam students of secondary school age in Lien Chieu District, Da Nang City

63. Nguyen Thanh Tung; Nguyen Truong Giang; Nguyen Ngoc Son

Current status of factors affecting extracurricular sports activities of students at Thai Nguyen University of agriculture and forestry

69. Huynh Thi Thuy Uyen; Nguyen Thai Huy Vu

A study on the motivation and evaluation of participants in marine sports tourism activities in Nhatrang city, Khanhhoa province

74. Nguyen Van Anh; Dinh Quang Ngoc; Dinh Khanh Thu; Nguyen Hai Bang

Current situation of regular physical exercise and sports practice among different population groups in bac ninh province

80. Ngo Hai Hung

Current status of factors affecting the brand communication of bac ninh sports University on social networking channels



Tạp chí KHOA HỌC

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO

JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

p-ISSN 1859-4417

e-ISSN 3030-4822

Số 3 - 2025

(07)

